|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Sư phạm** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục Mầm non** | **Mã số: 7140201** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần:**  **Tâm lý học trẻ em 1** | **1.2. Tên Tiếng Anh:**  **Child psychology** |
| **1.3. Mã học phần:** TMTLTE.005 | **1.4. Số tín chỉ:** 02 |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 24 tiết |
| - Bài tập | 06 tiết |
| - Thảo luận |  |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Th.S Nguyễn Thị Thùy Vân |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Th.S Nguyễn Thị Diễm Hằng |
| Th.S Nguyễn Thị Xuân Hương |
| Th.S Nguyễn Thị Như Phượng |
| Th.S Hoàng Thị Tường Vi |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Tâm lý học đại cương |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp kiến thức chung về tâm lý học trẻ em và đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em giai đoạn từ lọt lòng đến 3 tuổi. Từ đó hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc tìm hiểu, phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý trẻ em và có những tác động sư phạm phù hợp với từng độ tuổi.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

***2.2.1. Về kiến thức***

Cung cấp kiến thức chung về tâm lý học trẻ em (đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa, lịch sử phát triển, quy luật phát triển tâm lý trẻ em...) và đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em giai đoạn từ lọt lòng đến 3 tuổi.

***2.2.2. Về kỹ năng***

Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc tìm hiểu, phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý trẻ em theo quan điểm tâm lý học hiện đại. Trên cơ sở hiểu biết về đặc điểm tâm lý của trẻ giai đoạn từ 0 - 3 tuổi để có những tác động sư phạm phù hợp với từng độ tuổi.

***2.2.3. Về thái độ***

Hình thành, bồi dưỡng lòng yêu trẻ, tôn trọng sự phát triển của trẻ, từ đó có ý thức tự tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất và năng lực nghề nghiệp để thực hiện tốt công tác chăm sóc, giáo dục giúp trẻ có được sự phát triển toàn diện.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa và phương pháp nghiên cứu tâm lý học trẻ em |
| CLO2 | Trình bày được lịch sử phát triển và quy luật phát triển tâm lý trẻ em |
| CLO3 | Phân tích được các đặc điểm tâm lý cơ bản của trẻ từ 0 – 3 tuổi |
| CLO4 | Áp dụng kiến thức vào việc tìm hiểu, phân tích, giải thích các hiện tượng tâm lý trẻ từ 0 – 3 tuổi |
| CLO5 | Áp dụng kiến thức để xây dựng các biện pháp tác động phù hợp với sự phát triển của trẻ trong từng giai đoạn cụ thể của lứa tuổi từ 0 – 3 tuổi |
| CLO6 | Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, yêu trẻ, nhìn nhận và đánh giá các hiện tượng tâm lý theo quan điểm khoa học. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| CLO 1 | I | I |  | I | I |  |  | M | M | M |
| CLO 2 | I | I |  | I | I |  |  | M | M | M |
| CLO 3 | I | I |  | M | M |  |  | M | M | M |
| CLO 4 | I | I |  | M | M |  |  | M | M | M |
| CLO 5 | R | R |  | M | M |  |  | M | M | M |
| CLO 6 | I | I |  | M | M |  |  | M | M | M |
| Tổng hợp học phần | I | I |  | M | M |  |  | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá toàn bộ quá trình  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trong giờ học. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A2.1. Tuần 8  Chương 1. Nhập môn Tâm lý học trẻ em  Chương 2. Lịch sử phát triển tâm lý học trẻ em  Chương 3. Quy luật phát triển tâm lý của trẻ em  Chương 4. Đặc điểm phát triển TL của trẻ em trong năm đầu tiên (từ lọt lòng đến 15 tháng) | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | Tự luận, bài tập, thực hành, kết quả sản phẩm tự học, tự nghiên cứu |
| A2.2. Tuần 15  Chương 5. Đặc điểm phát triển TL của trẻ ấu nhi (15 – 36 tháng) | 50% |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 65% | Chương 1. Nhập môn Tâm lý học trẻ em  Chương 2. Lịch sử phát triển tâm lý học trẻ em  Chương 3. Quy luật phát triển tâm lý của trẻ em  Chương 4. Đặc điểm phát triển TL của trẻ em trong năm đầu tiên (từ lọt lòng đến 15 tháng)  Chương 5. Đặc điểm phát triển TL của trẻ ấu nhi (15 – 36 tháng) | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | Tự luận, vấn đáp, vấn đáp - thực hành, tiểu luận, trắc nghiệm - tự luận |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2tiết/ b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR** | PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài  đánh giá  (cột 3 bảng 3) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1. Nhập môn Tâm lý học trẻ em**  1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của TLH trẻ em. Mối liên hệ của TLH trẻ em với các khoa học khác.  1.2. Phương pháp của tâm lý học trẻ em | 2LT | Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa và phương pháp nghiên cứu tâm lý học trẻ em | CLO1  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu và phương pháp kiểm tra kết quả tự học, tự nghiên cứu:  - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 2 | **Chương 2. Lịch sử phát triển tâm lý học trẻ em**  2.1. Sự nảy sinh và phát triển ban đầu của TLHTE  2.2. Dòng phái nguồn gốc sinh học và nguồn gốc xã hội…  2.3. Sự phát triển của TLHTE ở Nga và Xô Viết  2.4. Tâm lý học trẻ em ở các nước Phương Tây  2.5. Tâm lý học trẻ em ở Việt Nam | 2LT | Trình bày được lịch sử phát triển tâm lý trẻ em | CLO2  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu và phương pháp kiểm tra kết quả tự học, tự nghiên cứu:  - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 3 | **Chương 3. Quy luật phát triển tâm lý của trẻ em**  3.1. Sự phát triển tâm lý trẻ em  3.2. Những quy luật phát triển tâm lý của trẻ em | 1LT  1BT | Hiểu quy luật phát triển tâm lý trẻ em | CLO2  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu và phương pháp kiểm tra kết quả tự học, tự nghiên cứu:  - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV  Bài tập: Phân tích quy luật phát triển tâm lý trẻ em và rút ra kết luận sư phạm |  |
| 4 | 3.2. (tiếp)  3.3. Phân định thời kỳ phát triển theo lứa tuổi | 2LT | Xác định được phân định thời kỳ phát triển theo lứa tuổi | CLO2  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 5 | **Chương 4. Đặc điểm phát triển TL của trẻ em trong năm đầu tiên (từ lọt lòng đến 15 tháng)**  4.1. Đặc điểm phát triển của trẻ sơ sinh (từ lọt lòng - 2 tháng) | 2LT | Hiểu đặc điểm phát triển của trẻ sơ sinh | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu và phương pháp kiểm tra kết quả tự học, tự nghiên cứu:  - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 6 | 4.1 (tiếp)  4.2. Đặc điểm phát triển của trẻ hài nhi (từ 2 – 15 tháng) | 1LT  1BT | Hiểu đặc điểm phát triển của hài nhi | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV  Bài tập: Liên hệ thực tế để làm rõ giao tiếp xúc cảm trực tiếp với người lớn là hoạt động chủ đạo của trẻ hài nhi và rút ra kết luận sư phạm. |  |
| 7 | 4.2. (tiếp) | 2LT |  | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 8 | 4.2. (tiếp) | 2LT |  | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài kiểm tra | A2.1 |
| 9 | 4.2. (tiếp)  **Chương 5. Đặc điểm phát triển TL của trẻ ấu nhi (15 – 36 tháng)**  5.1. Sự phát triển hoạt động của trẻ ấu nhi  5.1.1. Hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi | 2LT | Hiểu hoạt động với đồ vật là hoạt động chủ đạo của trẻ ấu nhi | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | Giảng viên hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu và phương pháp kiểm tra kết quả tự học, tự nghiên cứu:  - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 10 | 5.1.2. Các loại hành động với đồ vật | 1LT  1BT | Phân tích được các loại hành động với đồ vật của trẻ ấu nhi và liên hệ thực tế | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV  Bài tập: Phân tích các loại hành động với đồ vật và rút ra bài học sư phạm |  |
| 11 | 5.1.2. (tiếp)  5.1.3. Đi theo tư thế thẳng đứng- Hình thái vận động đăc trưng của con người  5.1.4. Phát triển khả năng cầm nắm và thao tác bằng tay của trẻ ấu nhi | 2LT | - Hiểu được đi theo tư thế thẳng đứng- Hình thái vận động đăc trưng của con người  - Phân tích được sự phát triển khả năng cầm nắm và thao tác bằng tay của trẻ ấu nhi | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV | A2.2 |
| 12 | 5.2. Sự phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật  5.2.1. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ấu nhi | 1LT  1BT | - Hiểu sự phát triển tâm lý của trẻ ấu nhi dưới ảnh hưởng của hoạt động với đồ vật  - Phân tích được sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ấu nhi và liên hệ thực tế | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV  Bài tập: Phân tích được sự phát triển ngôn ngữ của trẻ ấu nhi và rút ra kết luận sư phạm |  |
| 13 | 5.2.2. Sự phát triển trí tuệ của trẻ ấu nhi | 2LT | Phân tích được sự phát triển trí tuệ của trẻ ấu nhi | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra. |  |
| 14 | 5.3. Xuất hiện tiền đề của sự hình thành nhân cách  5.3.1. Sự hình thành cấu tạo tâm lý bên trong  5.3.2. Sự xuất hiện tự ý thức | 1LT  1BT | - Hiểu sự xuất hiện tiền đề của sự hình thành nhân cách và sự hình thành cấu tạo tâm lý bên trong  - Hiểu đặc điểm tự ý thức của trẻ ấu nhi | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV  Bài tập: Trình bày sự xuất hiện tự ý thức của trẻ ấu nhi và rút ra kết luận sư phạm |  |
| 15 | 5.3.3. Nguyện vọng độc lập và sự khủng hoảng của tuổi lên 3 | 1LT  1BT | Hiểu nguyện vọng độc lập, sự khủng hoảng của tuổi lên 3 và liên hệ thực tế. | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình nêu vấn đề, đàm thoại, thảo luận …  - GV sử dụng tài liệu chính, máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà: nghiên cứu trước nội dung bài học  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra  Bài tập: trình bày biểu hiện của nguyện vọng độc lập. Vì sao có hiện tượng khủng hoảng tuổi lên 3? | A2.2 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kỳ | - |  | CLO1CLO2  CLO3CLO4  CLO5  CLO6 | - | Hoàn thành bài thi | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Ánh Tuyết  (chủ biên) | 2010 | Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non | NXB ĐHSP, Hà Nội |
| 2 | Nguyễn Thị Thuỳ Vân  Nguyễn Thị Như Phượng  Nguyễn Thị Xuân Hương | 2021 | Tâm lý học trẻ em 1 | Giáo trình lưu hành nội bộ, Trường ĐHQB |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Dương Thị Diệu Hoa  (chủ biên) | 2012 | Tâm lý học phát triển | NXB ĐHSP, Hà Nội |
| 3 | Nguyễn Ánh Tuyết  Nguyễn Thị Như Mai | 2008 | Giáo trình sự phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non | NXB Giáo dục, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 01 | Chương 1, 2, 3, 4, 5 |

**9. Rubric đánh giá:**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Chuyên  cần | Không đi học  (<30%). | Đi học không chuyên cần  (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%). | **50%** |
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |

**Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước). | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót  . | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Trình bày đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

*Quảng Bình, ngày tháng năm 2023*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **P.Trưởng khoa**  **ThS. Nguyễn Kế Tam** | **Phó Trưởng bộ môn**  **ThS. Hoàng Thị Tường Vi** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Thị Thuỳ Vân** |